TÒA ÁN NH DÂN
HUYỆN HĐ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14 /2025/HNGĐ-ST;
Ngày: 15/01/2025;
V/v: Tranh chấp hôn nH gia đình.

NH DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NH DÂN HUYỆN HĐ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Diệu Kim.

Các Hội thẩm nH dân: Ông Trần Mạnh Khang; Bà Nguyễn Thị Thêm.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Luyên - Thư ký Tòa án nH dân huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện HĐ, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Lưu Thế Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 15/01/2025, tại Trụ sở Toà án nH dân huyện HĐ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 533/2024/HNGĐ-ST ngày 29/11/2024, về việc: Tranh chấp hôn nH và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/12/2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984
- Bị đơn: Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1993

Cùng ĐKHKTT: Thôn An Thọ, xã An Khánh, HĐ, Hà Nội

(Chị T có mặt, anh Q xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Chị và anh Phạm Thế Q tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 14/3/2018 tại UBND xã An Khánh, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

Sau một thời gian kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, chị và anh Q tự chủ về công việc làm ăn, không có sự kết nối, chia sẻ về tình cảm và kinh tế dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Chị nhiều lần nộp đơn ly hôn, sau khi được Tòa án hòa giải, chị rút đơn về để vợ chồng cùng khắc phục mâu thuẫn nhưng không đạt kết quả, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng đến nay không có phương hướng giải quyết mâu thuẫn. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài, cuộc sống chung không có hạnh phúc và tha thiết đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu, cho chị được ly hôn anh Q.

- Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là Phạm Bảo H, sinh ngày 09/9/2018. Nay ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại Bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là anh Phạm Văn Q trình bày*:

Anh chị tự nguyện kết hôn năm 2018.

Quá trình chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn nguyên nH chủ yếu do công việc làm ăn kinh tế của anh không gặp thuận lợi, không có thu nhập nên anh không chăm lo cho gia đình , từ đó phát sinh mâu thuẫn những vấn đề khác. Tuy nhiên, hiện anh đã có phương hướng khắc phục là đi làm kiếm tiền và trong thời gian tới sẽ có thu nhập chăm lo cho gia đình. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị T, đồng thời anh muốn con có gia đình đầy đủ.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Bảo H, sinh ngày 09/9/2018. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo khả năng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Quan điểm của đại diện VKSND huyện HĐ tham gia phiên tòa:*

1. Về việc thực hiện thủ tục tố tụng của Toà án và các đương sự:

Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Đề nghị áp dụng các điều: 56,81, 82, 83 Luật Hôn nH và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn anh Q;

Về con chung: Giao chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác; Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị T và anh Q không yêu cầu giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng*:*

Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án; bị đơn hiện đang cư trú tại địa bàn huyện HĐ, Tòa án nH dân huyện HĐ, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a,khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nH: Chị T và anh Q kết hôn đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục, điều kiện về kết hôn theo quy định của Luật Hôn nH và gia đình, là quan hệ hôn nH hợp pháp.

Sau kết hôn, chị T và anh Q chung sống hòa thuận một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn căng thẳng do bất đồng quan điểm về lối sống, làm ăn kinh tế kéo dài không khắc phục được dẫn đến việc chị T nhiều lần nộp đơn ly hôn tại Tòa án, sau đó lại rút đơn để hai bên khắc phục (thể hiện tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 65/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/02/2021 và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 284/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/10/2021 của TAND huyện HĐ). Nay chị T tiếp tục nộp đơn và tha thiết được ly hôn anh Q.

Bị đơn là anh Q không đồng ý ly hôn nhưng bản tH anh cũng thừa nhận trong suốt quá trình chung sống, anh chị thường xảy ra mâu thuẫn và nguyên nH bắt nguồn từ việc anh không có kinh tế để chăm lo cuộc sống chung của gia đình, từ đó dẫn đến mâu thuẫn những vấn đề khác trong cuộc sống. Bản tH anh có phương hướng khắc phục mâu thuẫn là đi làm và có thu nhập để lo cho gia đình trong năm tới, tuy nhiên chị T không đồng ý và kiên quyết được ly hôn anh Q

Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh Q đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nH không đạt được, hiện hai anh chị đang sống ly tH, xét cho chị T được ly hôn anh Q là phù hợp khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nH và gia đình.

2.2. Về con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung là Phạm Bảo H, sinh ngày 09/9/2018. Nay ly hôn, chị T và anh Q thống nhất giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Thỏa thuận của anh chị phù hợp quy định tại khoản 2, Điều 81 của Luật Hôn nH và gia đình nên được ghi nhận

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện và phù hợp quy định nên được ghi nhận. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Q.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Q không yêu cầu giải quyết là phù hợp quy định nên được ghi nhận.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về Q kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có Q kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nH và gia đình 2014;

- Áp dụng điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

- ***Về hôn nH***: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Văn Q.

- ***Về con chung***: Giao cháu Phạm Bảo H, sinh ngày 09/9/2018 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Ghi nhận chị T và anh Q không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi các bên có yêu cầu.

Anh Q có Q, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị T và anh Q không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu BLTU/23 số 0038720 ngày 29/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

3. Về Q kháng cáo: Chị T có Q kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Q vắng mặt có Q kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND H.HĐ;
- Chi cục THADS H.HĐ;
- UBND xã An Khánh;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Diệu Kim

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mạnh Khang **Nguyễn Thị Thêm** **Lương Thị Diệu Kim**

TÒA ÁN NH DÂN
HUYỆN HĐ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09h45 ngày 15/01 /2025. Tại: Trụ sở Tòa án nH dân huyện HĐ
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Kim
Các Hội thẩm nH dân: Bà Nguyễn Thị Thêm
Ông Trần Mạnh Khang
Tiến hành nghị án vụ án hôn nH gia đình thụ lý số 533/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp hôn nH gia đình giữa:
- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984
- Bị đơn: Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1993

Cùng ĐKHKTT: Thôn An Thọ, xã An Khánh, HĐ, Hà Nội

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nH và gia đình 2014;

- Áp dụng điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

- ***Về hôn nH***: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Văn Q.

- *Về con chung*: Giao cháu Phạm Bảo H, sinh ngày 09/9/2018 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Ghi nhận chị T và anh Q không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi các bên có yêu cầu.

Anh Q có Q, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận chị T và anh Q không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu BLTU/23 số 0038720 ngày 29/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

3. Về Q kháng cáo: Chị T có Q kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Q vắng mặt có Q kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 10h00 cùng ngày

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mạnh Khang **Nguyễn Thị Thêm** **Lương Thị Diệu Kim**